

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Phan Văn Thành	Chủ tịch
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Phan Hữu Bằng	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/11/2022)
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/11/2022)
Ông Trần Duy Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Chí Bình	Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thanh	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Phan Văn Thành

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

Số: 032801/2023/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023 từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

23
T
H
TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 37.852.147.239 đồng. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2022 bị âm 5.797.407.644 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như việc được tái cơ cấu các khoản nợ vay ngân hàng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính tổng hợp không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2020-072-1

1107
= 1107

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.043.431.162	40.635.280.171
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.331.040.285	1.608.729.304
1. Tiền	111		7.331.040.285	1.608.729.304
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.880.427.805	25.622.942.165
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15.358.092.246	13.476.374.969
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		843.073.000	173.557.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.286.473.897	17.378.943.135
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(8.607.211.338)	(5.405.932.939)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	13.798.399.555	12.401.627.946
1. Hàng tồn kho	141		13.876.312.256	12.436.321.744
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(77.912.701)	(34.693.798)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.563.517	1.980.756
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13a	33.563.517	1.980.756
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		206.626.567.975	225.544.825.250
I. Tài sản cố định	220		115.532.792.874	100.281.293.772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	115.532.792.874	100.281.293.772
- Nguyên giá	222		231.079.904.649	208.060.293.723
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.547.111.775)	(107.778.999.951)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.083.279.286	41.716.321.243
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	23.083.279.286	41.716.321.243
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		66.478.447.870	81.840.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	81.840.000.000	81.840.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.361.552.130)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.532.047.945	1.707.210.235
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.532.047.945	1.707.210.235
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		238.669.999.137	266.180.105.421

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		71.811.671.228	74.288.614.696
I. Nợ ngắn hạn	310		69.895.578.401	71.085.919.469
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.264.298.115	6.588.175.397
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.529.649.200	1.478.012.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13b	226.950.106	232.067.714
4. Phải trả người lao động	314		5.680.637.558	6.394.631.684
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		219.094.405	164.298.185
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	3.744.682.758	6.165.878.674
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	48.312.697.071	46.792.529.697
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.917.569.188	3.270.325.288
II. Nợ dài hạn	330		1.916.092.827	3.202.695.227
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	292.000.000	292.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	1.624.092.827	2.910.695.227
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.858.327.909	191.891.490.725
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	166.178.327.909	191.211.490.725
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.910.000	170.817.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.910.000	170.817.910.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.451.470.765	232.634.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.091.052.856)	20.160.946.725
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(12.091.052.856)	20.160.946.725
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		680.000.000	680.000.000
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		238.669.999.137	266.180.105.421



Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.977.222.187	51.024.695.976
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.977.222.187	51.024.695.976
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	53.857.655.563	48.525.933.044
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.119.566.624	2.498.762.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.073.091.144	40.797.059.072
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.403.480.312	4.215.818.532
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.028.117.421	4.130.794.373
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	311.498.148	379.569.790
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.205.806.489	16.057.516.820
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.728.127.181)	22.642.916.862
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.333.722.308	2.018.134.162
12. Chi phí khác	32	VI.8	696.647.983	500.104.299
13. Lợi nhuận khác	40		5.637.074.325	1.518.029.863
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.091.052.856)	24.160.946.725
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.091.052.856)	24.160.946.725
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(708)	1.178
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(708)	1.178

Phan Hữu Bằng
Người lập biểu

Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(12.091.052.856)	24.160.946.725
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.768.111.824	6.699.868.604
Các khoản dự phòng	03	18.606.049.432	3.242.327.654
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.073.091.144)	(40.534.720.824)
Chi phí lãi vay	06	4.028.117.421	4.130.794.373
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	8.238.134.677	(2.300.783.468)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.620.539.101)	(5.408.304.520)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.396.771.609)	(903.213.515)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(7.220.072.700)	(8.148.836.448)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	175.162.290	(482.485.309)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.973.321.201)	(4.162.708.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.797.407.644)	(21.406.331.524)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	21	(3.308.107.931)	(10.574.691.615)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.160.064.542	32.166.085.674
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20.851.956.611	21.591.394.059
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	52.848.178.560	65.490.964.138
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(52.614.613.586)	(68.181.875.681)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.565.802.960)	(1.660.679.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.332.237.986)	(4.351.590.543)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.722.310.981	(4.166.528.008)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.608.729.304	5.775.257.312
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.331.040.285	1.608.729.304



Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 28 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 19 tháng 11 năm 2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty liên kết là Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình có trụ sở chính tại Tiểu khu Hữu Nghị, Thị trấn Nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chăn nuôi trâu, bò. Tại ngày kết thúc năm tài chính tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 27,28%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh gỗ Phú Quý, địa chỉ tại TK 7, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 459 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 446 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản ngắn hạn của Công ty là 32.043.431.162 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 69.895.578.401 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 37.852.147.239 đồng. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2022 bị âm 5.797.407.644 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền và kế hoạch lợi nhuận trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh và cố gắng dự kiến thu về từ công ty liên kết. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

11
G
H
T
C
ÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	Năm 2022
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 40 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	347.421.921	154.190.579
Tiền gửi ngân hàng	6.983.618.364	1.454.538.725
Cộng	7.331.040.285	1.608.729.304

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐÉN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình. Số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn: 8 năm, lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + Biên độ 0,9%/năm. Ngày phát hành: 30/07/2020. Ngày đáo hạn 30/07/2028.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần TAMICO	10.349.019.000	10.349.019.000
Công ty Cổ phần HD Furniture Group	2.461.617.984	1.575.963.300
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	2.547.455.262	1.551.392.669
Cộng	15.358.092.246	13.476.374.969
Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VIII.2 - Bên liên quan)	10.349.019.000	10.349.019.000

4. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	172.398.201	134.236.741
Phải thu khác	2.114.075.696	17.244.706.394
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia</i>	-	14.086.973.398
<i>Phải thu khác</i>	2.114.075.696	3.157.732.996
Cộng	2.286.473.897	17.378.943.135
Trong đó phải thu khác là bên liên quan (Chi tiết xem thuyết minh VIII.2 - Bên liên quan)	-	14.086.973.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi							
	VND	VND	VND	VND							
Phải thu ngắn hạn khách hàng	10.720.325.000	4.078.868.300	6.641.456.700	10.530.334.000							
Công ty Cổ phần TAMICO	10.349.019.000	3.997.040.000	6.351.979.000	10.349.019.000							
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyên	115.015.000	-	115.015.000	115.015.000							
Ủy ban xã Vạn Trạch	60.500.000	-	60.500.000	60.500.000							
Đối tượng khác	195.791.000	81.828.300	113.962.700	5.800.000							
Phải thu ngắn hạn khác	2.003.279.122	37.524.484	1.965.754.638	2.957.432.163							
Bà Nguyễn Thị Phương	65.969.581	-	65.969.581	65.969.581							
Bà Phan Thị Vân	60.877.129	-	60.877.129	60.877.129							
Đối tượng khác	1.876.432.412	37.524.484	1.838.907.928	2.830.585.453							
Cộng	12.723.604.122	4.116.392.784	8.607.211.338	13.487.766.163							

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng					
	VND	VND	VND	VND					
Nguyên liệu, vật liệu	2.226.310.909	-	1.555.285.309	-					
Công cụ, dụng cụ	145.875.334	-	164.666.135	-					
Chi phí SXKD dở dang	10.948.293.483	-	9.965.283.668	-					
Thành phẩm	540.133.440	(63.222.701)	735.387.542	(20.003.798)					
Hàng hóa	15.699.090	(14.690.000)	15.699.090	(14.690.000)					
Cộng	13.876.312.256	(77.912.701)	12.436.321.744	(34.693.798)					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ													
Số đầu năm	104.079.090.585	19.982.661.733	5.167.481.782	1.807.652.327	75.039.857.845	1.983.549.451	208.060.293.723						
Mua trong năm	-	505.390.000	-	-	-	-	505.390.000						
Đầu tư XDCB hoàn thành	321.489.815	-	-	-	22.192.731.111	-	22.514.220.926						
Số cuối năm	104.400.580.400	20.488.051.733	5.167.481.782	1.807.652.327	97.232.588.956	1.983.549.451	231.079.904.649						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ													
Số đầu năm	71.388.427.968	15.616.336.270	4.925.815.150	1.632.887.159	13.668.848.024	546.685.380	107.778.999.951						
Khấu hao trong năm	3.138.733.405	732.077.240	98.729.279	47.692.292	3.666.942.232	83.937.376	7.768.111.824						
Số cuối năm	74.527.161.373	16.348.413.510	5.024.544.429	1.680.579.451	17.335.790.256	630.622.756	115.547.111.775						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI													
Số đầu năm	32.690.662.617	4.366.325.463	241.666.632	174.765.168	61.371.009.821	1.436.864.071	100.281.293.772						
Số cuối năm	29.873.419.027	4.139.638.223	142.937.353	127.072.876	79.896.798.700	1.352.926.695	115.532.792.874						

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 68.226.750.481 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 26.235.204.926 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 55.315.411.829 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 57.291.453.025 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,
huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cao su trồng năm 2014	-	10.443.999.599
Cao su trồng năm 2015	9.729.308.142	20.108.642.651
Cao su trồng năm 2016	5.337.257.396	5.266.772.737
Cao su trồng năm 2018	5.000.854.521	4.514.668.162
Khác	3.015.859.227	1.382.238.094
Cộng	23.083.279.286	41.716.321.243

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình với số tiền là 15.361.552.130 đồng.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	355.265.158	378.823.471
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.176.782.787	1.328.386.764
Cộng	1.532.047.945	1.707.210.235

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi nhánh Quảng Bình Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	1.004.534.400	2.661.334.400
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản T9	470.725.000	367.525.000
Công ty TNHH TM DV & SX Hiệp Nghĩa	637.658.530	681.094.960
Công ty TNHH dịch vụ vận tải Tiến Đạt	630.113.255	611.217.335
Phải trả nhà cung cấp khác	1.521.266.930	2.267.003.702
Cộng	4.264.298.115	6.588.175.397

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Long Phú	382.800.000	382.800.000
Hoàng Quang Sâm	881.958.700	881.958.700
Các đối tượng khác	264.890.500	213.254.130
Cộng	1.529.649.200	1.478.012.830

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp /bù trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	29.349.552	91.079.396	120.428.948	-
Thuế bảo vệ môi trường	4.213.965	8.213.965	12.427.930	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	4.489.808	2.509.052	1.980.756
Cộng	33.563.517	103.783.169	135.365.930	1.980.756
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	226.950.106	3.798.689.914	3.803.807.522	232.067.714
Thuế tài nguyên	-	14.040.000	14.040.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.023.040.394	1.023.040.394	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	1.150.354	1.150.354	-
Cộng	226.950.106	4.836.920.662	4.842.038.270	232.067.714

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	849.821.135	1.574.249.047
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.884.861.623	4.581.629.627
<u>Trong đó</u>		
- Phải nộp thanh tra tỉnh Quảng Bình	834.853.000	834.853.000
- Lãi chậm trả tiền hàng	1.346.318.300	2.514.592.802
- Phải trả khác	703.690.323	1.232.183.825
Cộng	3.744.682.758	6.165.878.674
b) Dài hạn		
Ký quỹ ký cược	292.000.000	292.000.000
Cộng	292.000.000	292.000.000

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {i}	22.958.438.156	22.958.438.156	32.685.080.674	33.616.222.835	23.889.580.317	23.889.580.317
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {ii}	15.408.386.515	15.408.386.515	16.483.827.886	16.081.788.351	15.006.346.980	15.006.346.980
Ngân hàng Chính sách xã hội Huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình {iii}	3.049.270.000	3.049.270.000	3.049.270.000	-	-	-
Vay cá nhân {iv}	5.830.000.000	5.830.000.000	630.000.000	2.030.000.000	7.230.000.000	7.230.000.000
Cộng vay ngắn hạn	47.246.094.671	47.246.094.671	52.848.178.560	51.728.011.186	46.125.927.297	46.125.927.297
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem TM số V.16)	1.066.602.400	1.066.602.400			666.602.400	666.602.400
Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	48.312.697.071	48.312.697.071			46.792.529.697	46.792.529.697
Trong đó: Số dư với các bên liên quan	800.000.000	800.000.000			800.000.000	800.000.000

(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2 - Bên liên quan)

{i} Các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay hạn mức số 863007319157/2022-HĐCVHM/NHCT470-VIETTRUNG ngày 06/06/2022, tổng mức dư nợ tại mọi thời điểm không quá 25.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 06/06/2022, thời hạn vay tối đa không quá 9 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động trồng, khai thác, chế biến mù cao su; chế biến, tiêu thụ gỗ rừng trồng; sản xuất giống cây cao su, cây lâm nghiệp; hồ tiêu,... Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là vườn cây cao su, trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

{ii} Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số 01/2022/525381/HĐTD ngày 28/12/2022, tổng dư nợ vay tối đa theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 16.500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và trụ sở nhà xưởng tính chế gỗ phủ quý ...

{iii} Khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/HĐTD ngày 25/02/2022, số tiền vay là 1.529.780.000 đồng và phụ lục hợp đồng số 01/2022/HĐTD/PL01 ngày 25/03/2022, số tiền vay 1.519.490.000 đồng. Mục đích vay để trả lương phục hồi sản xuất tháng 1/2022, tháng 2/2022, thời hạn cho vay là 11 tháng, lãi suất 0%/năm, lãi suất nợ quá hạn 12%/năm, tổng số tiền vay tính đến 25/03/2022 là 3.049.270.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

{iv} Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 8,52%/năm đến 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, các khoản vay không có tài sản bảo đảm.

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {i}	2.184.380.127	2.184.380.127	-	660.000.000	2.844.380.127	2.844.380.127
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình {ii}	506.315.100	506.315.100	-	226.602.400	732.917.500	732.917.500
Cộng Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	2.690.695.227	2.690.695.227	-	886.602.400	3.577.297.627	3.577.297.627
Phân loại sang vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	(1.066.602.400)	(1.066.602.400)			(666.602.400)	(666.602.400)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	(840.000.000)	(840.000.000)			(440.000.000)	(440.000.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình	(226.602.400)	(226.602.400)			(226.602.400)	(226.602.400)
Cộng	1.624.092.827	1.624.092.827			2.910.695.227	2.910.695.227

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay dài hạn.

{i} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình bao gồm các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 805004607384/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 1.285.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo nhà trụ sở và khuôn viên công ty". Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Hợp đồng tín dụng số 800004607389/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 2.955.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền chế biến mù và trang bị máy nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa ngành cao su. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 09/2021/525381/HĐTD ngày 08/10/2021, số tiền cam kết cho vay tối đa 963.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 56 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,55%/năm. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị sản xuất gỗ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo thỏa thuận được ký kết.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.066.602.400	666.602.400
Từ hai đến năm thứ năm	1.624.092.827	2.910.695.227
Cộng	2.690.695.227	3.577.297.627
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.066.602.400	666.602.400
Số phải trả sau 12 tháng	1.624.092.827	2.910.695.227

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	170.817.910.000	-	4.652.674.018	175.470.584.018
Lãi trong năm	-	-	24.160.946.725	24.160.946.725
Phân phối lợi nhuận	-	232.634.000	(232.634.000)	-
Chia cổ tức	-	-	(1.708.179.100)	(1.708.179.100)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.711.860.918)	(6.711.860.918)
Số dư đầu năm nay	170.817.910.000	232.634.000	20.160.946.725	191.211.490.725
Lãi (Lỗ) trong năm	-	-	(12.091.052.856)	(12.091.052.856)
Chia cổ tức (i)	-	-	(9.565.802.960)	(9.565.802.960)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	7.218.836.765	(7.218.836.765)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(3.376.307.000)	(3.376.307.000)
Số dư cuối năm nay	170.817.910.000	7.451.470.765	(12.091.052.856)	166.178.327.909

- (i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2022 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 7.218.836.765 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 3.168.137.000 đồng.
- Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành doanh nghiệp số tiền 208.170.000 đồng.
- Chia cổ tức với tỷ lệ 100 đồng trên 1 cổ phiếu tương ứng số tiền 9.565.802.960 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	55.900.217.387	46.029.643.976
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.338.531.665	4.058.852.000
Doanh thu khác	738.473.135	936.200.000
Cộng	60.977.222.187	51.024.695.976

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	53.810.758.766	48.146.477.822
Giá vốn khác	131.598.337	573.922.825
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(84.701.540)	(194.467.603)
Cộng	53.857.655.563	48.525.933.044

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	145.530.069	103.766.276
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	9.927.561.075	40.693.292.796
Cộng	10.073.091.144	40.797.059.072

(*) Khoản cổ tức được chia từ công ty liên kết theo quyết định số 01/2022/QĐ-HĐTV ngày 25/06/2022 của Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình về việc phân chia lợi nhuận năm 2021.

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.028.117.421	4.130.794.373
Lãi chậm thanh toán tiền hàng	13.810.761	85.024.159
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	15.361.552.130	-
Cộng	19.403.480.312	4.215.818.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí mua ngoài	196.500.000	334.241.150
Chi phí bằng tiền khác	114.998.148	45.328.640
Cộng	311.498.148	379.569.790

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	7.104.653.576	7.664.845.944
Chi phí khấu hao	1.192.757.790	1.643.485.025
Chi phí trả trước	293.286.480	340.018.467
Thuế phí và lệ phí	832.786.448	261.545.611
Trích dự phòng phải thu khó đòi	3.201.278.399	3.436.795.257
Chi phí mua ngoài	647.174.489	947.567.958
Chi phí bằng tiền khác	1.933.869.307	1.763.258.558
Cộng	15.205.806.489	16.057.516.820

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền bồi hoàn độ phì của đất	-	1.126.912.759
Cho thuê nhà ở, văn phòng	6.972.222	273.500.000
Thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng	5.817.238.300	-
Thu nhập khác	509.511.786	617.721.403
Cộng	6.333.722.308	2.018.134.162

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	-	262.338.249
Phạt vi phạm hành chính	105.021.679	69.401.611
Chi tiền đền bù giải phóng mặt bằng	559.884.246	-
Các khoản khác	31.742.058	168.364.439
Cộng	696.647.983	500.104.299

9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.091.052.856)	24.160.946.725
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	-	(4.046.177.725)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(12.091.052.856)	20.114.769.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	17.081.791	17.081.791
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(708)	1.178

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty không trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 do lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp âm.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông.

	Năm 2021 trước điều chỉnh VND	Năm 2021 sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.160.946.725	24.160.946.725
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.000.000.000)	(4.046.177.725)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.160.946.725	20.114.769.000
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	17.081.791	17.081.791
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.180	1.178

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.095.124.705	14.850.625.734
Chi phí nhân công	40.202.502.836	34.811.672.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.730.284.990	6.699.868.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.429.155.134	3.660.958.180
Chi phí khác bằng tiền	4.884.397.110	1.808.587.198
Cộng	74.341.464.775	61.831.712.378

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Số tiền đi vay thực thu trong năm:	52.848.178.560 đồng
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	52.848.178.560 đồng
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	52.614.613.586 đồng
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	52.614.613.586 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh cao su và Bộ phận kinh doanh gỗ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh cao su: Trồng, thu hoạch và sản xuất mù cao su
- Bộ phận kinh doanh gỗ: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ.

Các thông tin bộ phận về lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Bảng cân đối kế toán

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Loại trừ	Tổng cộng
	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	15.394.073.310	14.605.491.491	-	29.999.564.801
Tài sản không phân bổ	-	-	208.670.434.336	208.670.434.336
Tổng tài sản	15.394.073.310	14.605.491.491	208.670.434.336	238.669.999.137
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	3.554.901.343	2.239.045.972	-	5.793.947.315
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	66.017.723.913	66.017.723.913
Tổng nợ phải trả	3.554.901.343	2.239.045.972	66.017.723.913	71.811.671.228
	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	13.905.582.651	12.180.671.062	-	26.086.253.713
Tài sản không phân bổ	-	-	240.093.851.708	240.093.851.708
Tổng tài sản	13.905.582.651	12.180.671.062	240.093.851.708	266.180.105.421
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	5.644.122.043	2.422.066.184	-	8.066.188.227
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	66.222.426.469	66.222.426.469
Tổng nợ phải trả	5.644.122.043	2.422.066.184	66.222.426.469	74.288.614.696

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.473.344.680	17.503.877.507	-	60.977.222.187
Tổng Doanh thu	43.473.344.680	17.503.877.507	-	60.977.222.187
Khấu hao và chi phí phân bổ	50.605.896.939	19.593.666.261	(824.603.000)	69.374.960.200
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(7.132.552.259)	(2.089.788.754)	824.603.000	(8.397.738.013)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.132.552.259)	(2.089.788.754)	824.603.000	(8.397.738.013)
Doanh thu từ các khoản đầu tư Lãi (lỗ) khác	-	-	-	10.073.091.144
Chi phí tài chính				5.637.074.325
Lợi nhuận trước thuế				(19.403.480.312)
Chi phí thuế TNDN				(12.091.052.856)
Lợi nhuận trong năm				(12.091.052.856)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Hoạt động kinh doanh Cao su VND	Hoạt động kinh doanh Gổ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	32.570.760.240	18.453.935.736	-	51.024.695.976
Tổng Doanh thu	32.570.760.240	18.453.935.736	-	51.024.695.976
Khấu hao và chi phí phân bổ	38.771.329.793	26.191.689.861	-	64.963.019.654
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(6.200.569.553)	(7.737.754.125)	-	(13.938.323.678)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.200.569.553)	(7.737.754.125)	-	(13.938.323.678)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	40.797.059.072
Lãi (lỗ) khác				1.518.029.863
Chi phí tài chính				(4.215.818.532)
Lợi nhuận trước thuế				24.160.946.725
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận trong năm				24.160.946.725

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

2. BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình
 Công ty Cổ phần TAMICO

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Cổ đông lớn của Công ty (Ông Lê Vũ Thành) là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TAMICO
 Lãnh đạo chủ chốt

Các giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	2.256.570.000	2.253.358.000
Cổ tức		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	9.927.561.075	40.693.292.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần TAMICO	10.349.019.000	10.349.019.000
Phải thu khác		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	-	14.086.973.398
Vay và nợ thuê tài chính		
Ông Dương Chí Bình	800.000.000	800.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phan Văn Thành - Chủ tịch HĐQT	296.571.618	342.000.000
Ông Dương Chí Bình - Giám đốc, Thành viên HĐQT	263.298.870	303.600.000
Ông Phạm Xuân Thành - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	238.032.378	274.440.000
Ông Nguyễn Hải Thanh - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	238.032.378	274.440.000
Ông Phan Hữu Bằng - Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT	238.032.378	274.440.000
Ông Lê Vũ Thành - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Hoàng Thị Thu Hương - Trưởng ban kiểm soát	238.032.378	274.440.000
Cộng	1.536.000.000	1.767.360.000

3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Phan Hữu Bằng
Người lập biểu

Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 03 năm 2023